TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN MỘ ĐỨC
TỈNH QUẢNG NGÃI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc

Bản án số: 10/2018/HNGĐ- ST
Ngày: 22/5/2018
V/v "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỘ ĐỨC, TỈNH QUẢNG NGÃI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà : Ông Phạm Minh Vương
Các Hội thẩm nhân: 1. Ông Lê Duy
2. Ông Trần Văn Kiệm

- Thư ký phiên toà: Ông Trần Nguyễn Trọng Thành - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mộ Đức, tỉnh Quảng Ngãi.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân **huyện Mộ Đức tham gia phiên tòa**: Bà Trần Thị Thu Lệ - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 5 năm 2018, tại Hội trường xét xử Toà án nhân dân huyện Mộ Đức, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 43/2018/TLST- HNGĐ, ngày 12 tháng 3 năm 2018 về việc "*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 11/2018/QĐXXST- HNGĐ, ngày 03 tháng 5 năm 2018, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Trần Thị Thanh T, sinh năm 1982
Nơi ĐKHKTT: Thôn 1, xã Đ, huyện M, tỉnh Quảng Ngãi.
Chỗ ở hiện nay: Tổ dân phố 13, thị trấn V, huyện V, tỉnh Khánh Hòa.
2. Bị đơn: Anh Nguyễn Thanh B, sinh năm 1973
Địa chỉ: Thôn 1, xã Đức N, huyện M, tỉnh Quảng Ngãi.

Các đương sự đều có mặt tại phiên toà.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện ngày 05/3/2018, các lời khai tại Tòa án và tại phiên tòa, nguyên đơn chị Trần Thị Thanh T trình bày: Tôi và anh Nguyễn Thanh B kết hôn vào năm 2013, chúng tôi có đăng ký kết hôn tại UBND xã Đức Nhuận, huyện Mộ Đức, tỉnh Quảng Ngãi. Quá trình chung sống, vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn,

nguyên nhân là do anh B thường xuyên nhậu say xỉn, la lối vợ con. Do không thể chịu đựng được cuộc sống như thế nên tôi bỏ về quê mẹ đẻ để sinh sống tại Khánh Hòa, vợ chồng tôi đã ly thân được hai năm. Nay xét thấy tình cảm giữa tôi và anh B không còn, tôi yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Mộ Đức cho tôi được ly hôn với anh Nguyễn Thanh B.

Về con chung: Có 01 con chung tên Nguyễn Đào T, sinh ngày 03/02/2013. Khi ly hôn, tôi yêu cầu được nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu anh B cấp dưỡng tiền nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

* Tại biên bản lấy lời khai ngày 29/3/2018, các lời khai tại Tòa án và tại phiên tòa, bị đơn anh Nguyễn Thanh B trình bày: Tôi và cô Trần Thị Thanh T kết hôn vào năm 2013, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Đức Nhuận. Sau một thời gian chung sống thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do kinh tế khó khăn, tôi cũng có nhậu say xỉn và la lối vợ con. Nay cô T yêu cầu ly hôn, tôi không đồng ý vì tôi còn thương vợ.

Về con chung: Có 01 con chung tên Nguyễn Đào T, sinh ngày 03/02/2013. Trường hợp Tòa án giải quyết ly hôn thì khi ly hôn tôi yêu cầu được nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu cô T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

* Các tài liệu, chứng cứ mà các đương sự đã giao nộp cho Tòa án: giấy chứng nhận kết hôn (Bản chính), giấy khai sinh tên Nguyễn Đào T (Bản sao), chứng minh nhân dân tên Trần Thị Thanh T (Bản sao), sổ hộ khẩu đứng tên chủ hộ Nguyễn Thanh B (Bản sao).

* Các tình tiết các đương sự đã thống nhất được với nhau:

- Về con chung: Có 01 con chung tên Nguyễn Đào T, sinh ngày 03/02/2013.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

Các tình tiết các đương sự không thống nhất được với nhau:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị Thanh T yêu cầu ly hôn, anh Nguyễn Thanh B không đồng ý.

- Trường hợp ly hôn thì khi ly hôn, chị T và anh B đều yêu cầu được nuôi con chung.

* Ý kiến của Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mộ Đức tham gia phiên tòa:

- Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự cho rằng Thẩm phán, Thư ký tòa án, các Hội thẩm nhân dân, nguyên đơn, và bị đơn đều thực hiện theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử tiến hành nghị án

- Về nội dung:

Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn đối với bị đơn.

Về con chung: Giao cháu Nguyễn Đào T, sinh ngày 03/2/2013 cho chị T nuôi dưỡng; anh B không cấp dưỡng tiền nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có
Về án phí: Chị T chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Tòa án thụ lý đơn khởi kiện đúng trình tự thủ tục, đúng thẩm quyền, giải quyết vụ án trong thời hạn luật định, các đương sự chấp hành đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Nguyên đơn Trần Thị Thanh T và bị đơn Nguyễn Thanh B kết hôn vào năm 2013, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Đức Nhuận, huyện Mộ Đức, tỉnh Quảng Ngãi, vì vậy hôn nhân của hai người là hợp pháp. Trong quá trình chung sống, giữa nguyên đơn và bị đơn xảy ra mâu thuẫn, nguyên đơn yêu cầu ly hôn, bị đơn không đồng ý. Nguyên đơn cho rằng trong quá trình chung sống, bị đơn thường hay rượu chè, về nhà lại la lối vợ con. Bị đơn thừa trong cuộc sống vợ chồng, do kinh tế khó khăn dẫn đến cãi vả, bị đơn có nhậu nhẹt say xỉn và la lối vợ con và vợ chồng đã ly thân nhau khoảng 02 năm.

Xét thấy, giữa nguyên đơn và bị đơn có xảy ra mâu thuẫn, mặc khác giữa nguyên đơn và bị đơn đã ly thân 02 năm, điều này chứng tỏ mâu thuẫn giữa nguyên đơn và bị đơn là trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Việc nguyên đơn yêu cầu ly hôn là có căn cứ, phù hợp với Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

[3] Về con chung: Nguyên đơn và bị đơn thừa nhận có một con chung tên Nguyễn Đào T, sinh ngày 03/02/2013. Nguyên đơn và bị đơn đều có yêu cầu được nuôi dưỡng con chung. Tuy nhiên, việc giao con cho ai trực tiếp nuôi dưỡng cần phải xem xét về mọi mặt, quyền lợi của con chưa thành niên và điều kiện, thu nhập của các bên; Anh B và chị T thừa nhận anh B thường xuyên nhậu say xỉn, mặc khác, anh B bị khuyết tật về thể chất, không có chỗ ở ổn định. Để đảm bảo ổn định về cuộc sống và các điều kiện phát triển về tinh thần của cháu T. Giữa chị T và anh B không thoả thuận được về việc nuôi dưỡng con chung khi ly hôn nên Hội đồng xét xử quyết định giao con cho một bên trực tiếp nuôi dưỡng. Xét thấy hiện nay cháu T còn nhỏ nên cần có sự chăm sóc của người mẹ. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận nguyện vọng của nguyên đơn được nuôi dưỡng cháu T.

[4] Về cấp dưỡng nuôi con: Nguyên đơn không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về tài sản chung, nợ chung: Nguyên đơn, bị đơn khai không có, không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về án phí: Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự 2015; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn,

giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, nguyên đơn phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng). Bị đơn không phải chịu án phí.

[7] Ý kiến của Kiểm sát viên phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 1 Điều 28; khoản 4 Điều 147; Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

1. Cho nguyên đơn Trần Thị Thanh T được ly hôn bị đơn Nguyễn Thanh B.

2. Giao con chung tên Nguyễn Đào T, sinh ngày 03/02/2013 cho chị T trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng; anh B không cấp dưỡng tiền nuôi con; anh B có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Trần Thị Thanh T phải chịu 300.000^{đ} (Ba trăm ngàn đồng) nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp là 300.000^{đ} (Ba trăm ngàn đồng) theo biên lai số AA/2016/0000985 ngày 19/3/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Mộ Đức. Chị T đã nộp đủ số tiền trên.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu Thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

5. Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án (22/5/2018).

***Nơi nhận*:**
- *TAND tỉnh Quảng Ngãi;*
- *VKSND huyện Mộ Đức;*
- *Chi cục THADS huyện Mộ Đức;*
- *Các đương sự;*
- *UBND xã Đức Nhuận;*
- *Lưu hồ sơ.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Minh Vương

Nơi nhận :

- *TAND tỉnh Quảng Ngãi;*
- *Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp;*
- *Các đương sự;*
- *Chi cục THADS huyện Mộ Đức;*
- *UBND xã Đức Nhuận;*
- *Lưu hồ sơ vụ án.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Minh Vương